

Số: 08/2026/QĐST-VLĐ

Đồng Nai, ngày 07 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Võ Quang Dũng
- *Thư ký phiên họp:* Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên họp:* Ông Tô Duy Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 18/2026/TLST-VLĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, theo Quyết định mở phiên họp số 21/2026/QĐST-VLĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người yêu cầu:* Bà Thị H, sinh năm 1986; CCCD số xxxxxxxx0644, cấp ngày 13/4/2021; địa chỉ: tổ C, ấp B (nay là ấp H), xã T, thành phố Đồng Nai. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH B

Địa chỉ trụ sở: Lô B Khu công nghiệp M - H, phường M, thành phố Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: ông Kim Dong W, chức vụ: Tổng giám đốc (xin vắng mặt).

2. Bà Thị L, sinh năm 1989; CCCD số xxxxxxxx1878; địa chỉ: tổ D, ấp B (nay là ấp H), xã T, thành phố Đồng Nai (xin vắng mặt).

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở T - thành phố Đồng Nai

Địa chỉ: Khu phố K, phường T, thành phố Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Duy T, chức vụ: Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Người yêu cầu bà Thị H trình bày:*

Từ tháng 11/2009 bà H vào làm công nhân tại Công ty TNHH R và được đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số: 7409326043, đến tháng 11/2012 bà H nghỉ việc tại Công ty R. Từ tháng 12/2012 đến tháng 5/2013 bà H nghỉ việc và không tham gia bảo hiểm xã hội.

Từ tháng 6/2013 đến tháng 4/2025 bà H làm công nhân tại Công ty TNHH F (Việt Nam) và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm số: 7409326043 đến tháng 5/2025 thì bà H nghỉ việc tại Công ty F (Việt Nam).

Trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH R, do không hiểu biết về pháp luật nên bà H đã cho em gái của bà H là bà Thị L, sinh năm 1989 mượn giấy tờ tùy thân là Chứng minh nhân dân (CMND) số xxxxx5411 mang tên Thị H do Công an tỉnh B cấp ngày 28/4/2008 của bà H để làm hợp đồng vào làm việc tại Công ty TNHH B có địa chỉ tại Lô B Khu công nghiệp M - H, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là phường M, thành phố Đồng Nai) từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012, người đứng tên trên hợp đồng lao động là Thị H. Lý do bà L mượn giấy tờ của bà H để đi làm Công ty vì khi đó bà L chưa được cấp CMND. Sau khi vào làm việc tại Công ty B, bà Thị L đã được đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 và được cấp sổ bảo hiểm số: 7011011528 đứng tên T. Vì vậy, hiện nay bản thân bà H cùng đứng tên trên 02 sổ bảo hiểm xã hội khác nhau là sổ bảo hiểm số 7409326043 và số 7011011528.

Hiện nay bà Thị H muốn thực hiện các thủ tục để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định nhưng không thực hiện được do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 trên 02 sổ bảo hiểm số 7409326043 và số 7011011528 cùng đứng tên Thị H. Vì vậy, bà Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Thị H (nhưng người thực tế làm việc là bà Thị L) với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 vô hiệu; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH B trình bày:

Tháng 11 năm 2011, Công ty có nhận được hồ sơ xin việc tên Thị H. Khi kiểm tra hồ sơ xin việc, Công ty nhận thấy hồ sơ đầy đủ thông tin, hình ảnh đúng với thông tin, hình ảnh của người lao động xin việc cung cấp và có xác nhận của cơ quan chức năng nên Công ty đã ký kết hợp đồng lao động với người lao động tên Thị H và thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho người lao động là bà Thị H theo quy định. Việc bà L mượn CMND của bà H để làm hồ sơ xin việc thì Công ty không biết. Trong thời gian người lao động làm việc và Công ty đóng bảo hiểm thì cơ quan bảo hiểm cũng không có thông báo và không có ý kiến gì. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Thị H với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 vô hiệu thì Công ty cũng thống nhất với yêu cầu này của bà H và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 - thành phố Đ trình bày:

Công ty TNHH B có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho sổ BHXH số 7011011528 mang tên Thị H, sinh năm 1986 từ tháng 11/2011 đến hết tháng 02/2012 với tổng thời gian tham gia BHXH là 04 tháng, được BHXH huyện C cũ cấp sổ BHXH ngày 30/12/2011.

Công ty TNHH R có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho sổ BHXH số

7409326043 mang tên Thị H, sinh năm 1986 từ tháng 11/2009 đến hết tháng 11/2012 với tổng thời gian tham gia BHXH, BHYT là 03 năm 01 tháng. Công ty TNHH F (Việt Nam) có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho sổ BHXH số 7409326043 mang tên Thị H, sinh năm 1986 từ tháng 6/2013 đến hết tháng 5/2025 với tổng thời gian tham gia BHXH, BHYT là 11 năm 11 tháng.

Về việc bà H cho bà L mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty TNHH B thì ý kiến của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Khai như sau:

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1, Thương binh và Xã hội thì trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị L trình bày:

Bà L là em ruột của bà Thị H. Khoảng tháng 11 năm 2011, do muốn đi làm công ty để có thu nhập nuôi con nên bà L đã mượn giấy tờ tùy thân là CMND số 285355411 mang tên Thị Hạnh do Công an tỉnh B cấp ngày 28/4/2008 của bà Thị H để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH B. Sau đó bà L đã được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH B và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B từ tháng 11/2011 với tên Thị H. Bà L làm việc tại Công ty B đến tháng 02/2012 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH B bà L đã được đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 và được cấp sổ bảo hiểm số 7011011528 đứng tên Thị Hạnh. Do thời gian nghỉ việc đã lâu nên hiện nay bà L không còn lưu giữ Hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà với Công ty TNHH B và bà L cũng không nhớ được số hợp đồng, ngày tháng năm cụ thể ký hợp đồng.

Do không hiểu biết về pháp luật nên bà L mới mượn giấy tờ tùy thân của bà Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty B, dẫn đến việc bà H bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại 2 sổ bảo hiểm khác nhau. Vì vậy, bà L cũng đồng ý với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà L - đứng tên người lao động trong hợp đồng là bà Thị H với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 vô hiệu. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

- Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của bà Thị H là có căn cứ, vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Thị H, tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao

động là bà Thị H với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc đã được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bà Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động là bà Thị H với Công ty TNHH B thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 vô hiệu. Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì yêu cầu của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B, Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 - thành phố Đ và bà Thị L có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Tháng 11/2011, bà L đã mượn CMND của bà H để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty TNHH B. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà H đã cho bà L mượn CMND số xxxxx5411 mang tên Thị Hạnh do Công an tỉnh B cấp ngày 28/4/2008 cho bà H để bà L nộp hồ sơ vào Công ty TNHH B và bà L đã lấy tên bà H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, bà L làm việc tại Công ty TNHH B từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012, có hưởng lương, có tham gia bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 7011011528 đứng tên T.

Trong thời gian bà L làm việc tại Công ty TNHH B dưới tên bà H thì bà H cũng đang làm việc tại Công ty TNHH R và được tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2012 theo sổ bảo hiểm số 7409326043 đứng tên T.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 bà H và bà L cùng tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên bà H trên 02 sổ bảo hiểm xã hội số 7409326043 và số 7011011528. Do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 nên bà H không thực hiện được các thủ tục để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội.

Việc bà L mượn giấy tờ, thông tin cá nhân của bà H và đứng tên bà H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B vào tháng 11/2011 là hành vi không trung thực, lừa dối về chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự; đã vi phạm nguyên tắc tự

nguyên, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại các điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, hợp đồng lao động được ký kết giữa bà L (người đứng tên trong hợp đồng là bà H) với Công ty TNHH B thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012 bị vô hiệu toàn bộ.

Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Thị H với Công ty TNHH B trong thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012, được cấp mã số bảo hiểm xã hội 7011011528 vô hiệu là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Bà Thị H và bà Thị L có quyền, nghĩa vụ liên hệ với C có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Thị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các điều 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Căn cứ các điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Thị H;

Tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Thị H với Công ty TNHH B trong thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2012, được cấp mã số bảo hiểm xã hội 7011011528 vô hiệu.

Bà Thị H và bà Thị L có quyền, nghĩa vụ liên hệ với C có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Thị H phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015433 ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Võ Quang Dũng